TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **155**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 12 - 2021
V/v " *Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Bời

2. Bà Nguyễn Thị Lý

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Giỏi Mạnh Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 160/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **T.T.H**; Sinh năm: 1973; Địa chỉ: số A1, đường C, phường D, thành phố K, tỉnh L.

Bị đơn: Ông **L.A.T**; Sinh năm: 1975; Địa chỉ: số A1, đường C, phường D, thành phố K, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà T.T.H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T.T.H và ông L.A.T kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố K, tỉnh L. Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau do bất đồng quan điểm. Ông T không quan tâm đến vợ con cũng như kinh tế gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau, cho nhau cơ hội để đoàn tụ nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Nay nhận thấy tình cảm không còn và để ổn định cuộc sống, bà Hyêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông L.A.T.

Về con chung: Bà T.T.H và ông L.A.T có một con chung là L.H.Đ, sinh ngày 05/8/2003. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Hkhông yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Bị đơn ông L.A.T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn ông L.A.T; con chung đã đủ tuổi thành niên nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

- Bà T.T.H khởi kiện ông L.A.T về việc "Ly hôn" là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

- Nguyên đơn bà T.T.H đơn đề nghị xét xử vắng, bị đơn ông L.A.T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

Về nội dung vụ án:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T.T.H và ông L.A.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 125 ngày 27/12/2002. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, vì vậy bà H đã yêu cầu ly hôn ông T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Như vậy, có thể nhận thấy ông T cũng không tha thiết muốn níu kéo mối quan hệ hôn nhân với bà H; Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, để các bên ổn định cuộc sống, Hội đồng xét xử nhận thấy các yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: bà Hvà ông T có một con chung là L.H.Đ, sinh ngày 05/8/2003. Trong đơn khởi kiện cũng như trong các lời khai tại Tòa án, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Tuy nhiên tính đến thời điểm xét xử, con chung L.H.Đ đã đủ tuổi thành niên do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà T.T.H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.T.H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà T.T.H được ly hôn ông L.A.T.

1.2. Về con chung: Con chung L.H.Đ đã đủ tuổi thành niên nên không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà T.T.H phải nộp 300.000 đồng, án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000462 ngày 23/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà T.T.H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

VBVBNơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THA dân sự TP.Nha Trang;
- UBND phường Phương Sài;
- Đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Hải